

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 251/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 9 năm 2018

V/v: Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Huỳnh Hưởng**

2. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Chí Công** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 632/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 về việc: Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 375/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Quách Hồng H**, sinh năm 1976.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1966.

Cùng cư trú: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Quách Hồng H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông T chung sống với nhau từ năm 2000, hôn nhân tự nguyện, nhưng bà và ông T không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng thường hay cãi nhau dẫn đến bất đồng quan điểm, do ông T không có lo lắng cho gia đình và hiện ông bà không còn sống chung, hiện đã ly thân. Nay, bà nhận thấy cuộc sống của vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn lại được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 người con chung tên: Nguyễn Khánh B, sinh ngày 17/01/2002. Hiện cháu đang sinh sống với chị. Cháu B có ước nguyện

sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng; không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Không có.

Đồng thời, do điều kiện làm ăn xa nên bà H yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T trình bày:

Về hôn nhân: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà H; do hiện nay vợ chồng đã có mâu thuẫn; đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà H; cháu B có ước nguyện sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng; không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Không có.

Đồng thời, do điều kiện làm ăn xa nên ông Tân yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Khánh B; kết quả cháu Bằng có ước nguyện ở chung với bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T có nơi cư trú tại ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; về quan hệ pháp luật tranh chấp là: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Hạnh và ông Tân đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H, ông T theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Đơn xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau xác định bà H và ông T không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T; đồng thời bà H và ông T cũng xác định, ông bà chung sống với nhau từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn; mặc dù ông bà có đủ điều kiện kết hôn nên việc kết hôn không thỏa mãn về mặt hình thức. Nay, ông bà đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét, mâu thuẫn giữa bà H và ông T là thực tế có xảy ra và sự thỏa thuận của các đương sự trên tinh thần tự nguyện, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

[3] *Về con chung*: Bà H và ông T có 01 người con chung tên: Nguyễn Khánh B, sinh ngày 17/01/2002. Hiện cháu đang sinh sống với bà H. Bà H và ông T xác định, cháu B có ước nguyện sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng; ông bà đều không có yêu cầu đặt ra việc cấp dưỡng. Xét, con chung tên Nguyễn Khánh B có nguyện vọng được sống chung với bà H; hiện cháu đang sống chung và gần gũi với bà H, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu B cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; không đặt ra việc cấp dưỡng. Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung và nợ*: Bà H và ông T xác định không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Quách Hồng H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Hồng H về việc ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Quách Hồng H và ông Nguyễn Hoàng T là vợ chồng.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Khánh B, sinh ngày 17/01/2002 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; không đặt ra việc cấp dưỡng. Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ: Bà H và ông T xác định không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Quách Hồng H đã dự nộp trước 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008643 ngày 06/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H.TVT.T. Cà Mau;
- Chi cục thi hành án DS H.TVT.T. Cà Mau;
- UBND xã Trần Hợi. H.TVT.T. Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang